

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: *04* /2023/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 07 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc
gia;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ
phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc
gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung
thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao
động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc
gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025;*

*Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030 giai đoạn I, từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp
từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm
nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài
chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục
tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền
núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;* ✓

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3515/TTr-SNN ngày 23 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể nội dung và mức hỗ trợ một (01) dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐT BXH, Điều 2 Thông tư 04/2022/TT-BNNPTNT và Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại nội dung số 01 điểm b khoản 3 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg, khoản 2 Điều 1 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT và khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

3. Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1 của Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức hỗ trợ

1. Nguyên tắc quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện theo Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Phương thức hỗ trợ thực hiện theo khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Những đối tượng được hưởng hỗ trợ tại Quy định này, nếu đang hưởng các hỗ trợ ưu đãi khác không trùng với nội dung hỗ trợ tại Quy định này thì tiếp tục hưởng các hỗ trợ đó; nếu trùng với các nội dung hỗ trợ trong Quy định này từ các nguồn ngân sách khác thì không xem xét hỗ trợ.

Điều 4. Nội dung hỗ trợ

1. Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư 04/2022/TT-BNNPTNT, khoản 3 Điều 7 Thông tư 09/2022/TT BLĐT BXH và khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại Nội dung số 01 điểm b khoản 3.

Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg, khoản 5 Điều 20 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT và khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 5. Mức hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ thực hiện các Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: tối đa 400 triệu đồng/dự án.

2. Mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia Dự án:

Hỗ trợ hộ nghèo: tối đa 14 triệu đồng/hộ;

Hỗ trợ hộ cận nghèo: tối đa 12 triệu đồng/hộ;

Hỗ trợ hộ mới thoát nghèo: tối đa 10 triệu đồng/hộ (hộ mới thoát nghèo được công nhận thoát nghèo không quá 36 tháng tính đến thời điểm hỗ trợ).

Hỗ trợ cho người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); người dân sinh sống trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn: tối đa 8 triệu đồng/hộ.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí

1. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương giao thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn sự nghiệp đối ứng của ngân sách tỉnh.

2. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Thông tư 46/2022/TT-BTC đối với Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững, Thông tư số 15/2022/TT-BTC đối với Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc

Chủ trì, phối hợp với sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này. Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Quy định này và các vướng mắc, phát sinh trên lĩnh vực được giao báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện chế độ báo cáo trên lĩnh vực được giao theo các quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc thẩm định, cân đối nguồn kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

Tổ chức thẩm định, phê duyệt các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng đề xuất theo quy định hiện hành. Chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện trên địa bàn huyện.

Thực hiện chế độ báo cáo theo các quy định hiện hành.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 02 năm 2023, và thay thế Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Vụ Pháp chế các Bộ: NNPTNT, LĐTĐBXH;
- Vụ Pháp chế - Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Lưu: VT, KT (02).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm